

**Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ  
THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

UBND TỈNH BẾN TRE  
CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC  
CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

MST: 1300100790

Số: 352/BC-CTTL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bến Tre, ngày 17 tháng 6 năm 2024

**I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023**

**1. Kết quả đạt được**

- Nhìn chung trong năm qua công tác quản lý khai thác và vận hành các công trình thủy lợi của Công ty đã đi vào ổn định, các hệ thống công trình đảm bảo tốt công tác phục vụ tưới tiêu, công tác sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi rất hiệu quả, đóng góp cho địa phương về các tiêu chí thủy lợi để xây dựng nông thôn mới theo chủ trương của Chính phủ.

- Các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh sau khi nghiệm thu được bàn giao cho Công ty trực tiếp quản lý, khai thác và vận hành phục vụ sản xuất, Công ty thường xuyên kiểm tra duy tu, bảo dưỡng định kỳ và chủ động sửa chữa kịp thời khi có hư hỏng, đáp ứng nhu cầu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh trong vùng hưởng lợi.

- Phối hợp tốt với các Sở, ngành trong công tác phòng chống, ứng phó với hạn hán và xâm nhập mặn tại các huyện, thành phố trong mùa mặn năm 2022 - 2023 và trong công tác phòng chống ngập lụt, ứng phó với tình hình mưa lũ, triều cường năm 2023.

- Công tác phòng chống hạn mặn: Thực hiện theo chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, Công ty đã phối hợp tốt với các Sở, ngành trong công tác phòng chống, ứng phó với hạn hán và xâm nhập mặn tại các huyện, thành phố trong mùa mặn năm 2022-2023, thường kiểm tra nguồn nước, đo độ mặn hàng ngày, theo dõi diễn biến tình hình xâm nhập mặn để có các giải pháp ứng phó kịp thời, hạn chế thấp nhất thiệt hại do hạn mặn, nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt của người dân.

- Trong mùa mưa, lũ, triều cường các công trình đảm bảo vận hành tốt việc tưới, tiêu cho diện tích lúa vụ Hè Thu, Mùa, Thu Đông năm 2023 và các loại cây trồng khác, đảm bảo tiêu thoát nước nhanh và kịp thời vào những thời điểm mưa nhiều kết hợp triều cường, không để ngập úng xảy ra ảnh hưởng sản xuất.

- Kinh phí hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi đã tạo điều kiện cho việc tập trung hơn vào công tác quản lý, khai thác các hệ thống công trình thủy lợi hiện có. Từng bước hiện đại hoá trang thiết bị quản lý phục vụ cho công tác quản lý vận hành, nâng cấp sửa chữa, nạo vét các công trình thủy lợi, thực hiện cập nhật lưu trữ hồ sơ số liệu đo độ mặn, quản lý công trình có hệ thống và khoa học để phục vụ công tác vận hành công trình. Cơ sở vật chất, điều kiện làm việc của người lao động từng bước được nâng lên.

**2. Thuận lợi, khó khăn.**

**2.1. Thuận lợi**

- Được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, sự phối hợp và hỗ trợ của các Sở ngành, các cấp chính quyền địa phương về công tác quản



lý khai thác, sửa chữa nạo vét các công trình thủy lợi đảm bảo yêu cầu tưới tiêu phục vụ sản xuất và dân sinh.

- Công tác quản lý khai thác và vận hành công trình được ổn định, các hệ thống công trình đảm bảo tốt công tác phục vụ tưới tiêu, ngăn mặn, trữ ngọt.

- Các công trình thủy lợi sau khi nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, bàn giao cho Công ty quản lý đã phát huy hiệu quả trong phục vụ sản xuất nông nghiệp góp phần tăng diện tích phục vụ đối với các loại cây trồng trong khu vực.

## 2.2. Khó khăn

- Tình hình hạn hán, xâm nhập mặn năm 2022 - 2023 tăng cao, xâm nhập vào trong nội đồng, ảnh hưởng đến sản xuất và sinh hoạt của người dân.

- Các hệ thống công trình đầu tư chưa đồng bộ, chưa khép kín, ảnh hưởng trong công tác phục vụ tưới tiêu, không chủ động ngăn mặn, phải thực hiện đắp các đập tạm cục bộ và nạo vét các tuyến kênh để dẫn ngọt.

- Thời điểm xuống giống tại các địa phương không đồng bộ, khó khăn trong công tác điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tình trạng người dân tự ý nuôi tôm biển trong vùng đã đầu tư xây dựng công trình ngọt hóa, xả thải và bơm bùn trực tiếp ra môi trường bên ngoài gây nhiễm mặn các kênh cấp nước tưới phục vụ sản xuất nông nghiệp và ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước cung cấp cho các nhà máy nước sinh hoạt trong khu vực.

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện	Giá trị thực hiện của cả tổ hợp công ty mẹ - công ty con (nếu có) (*)
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất (Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi)	Ha	112.676,77	115.721,92	Không có
a)	<i>Sản phẩm 1 (Diện tích cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi)</i>	<i>Ha</i>	<i>112.676,77</i>	<i>115.721,92</i>	
b)	<i>Sản phẩm 2</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	87,869	68,290	
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	2,885	3,456	
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	2,885	3,451	
5	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước	Tỷ đồng	0	0,216	

010079  
CÔNG TY  
MỘT THÀNH  
VIÊN CÔNG  
TY LỢI BỀN  
RE - T.

6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng	0	0
7	Sản phẩm dịch vụ công ích (nếu có)	Ha	112.676,77	115.721,92
8	Tổng số lao động	Người	180	161
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	15,482	9,630
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,082	0,880
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	14,400	8,750

## II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

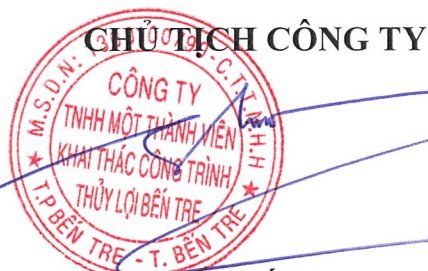
Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt: *Không có.*

## III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này: *Không có.*

### Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- VP. UBND tỉnh Bến Tre;
- Trung tâm TT Điện tử VP. UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư Bến Tre;
- Lưu: VT.



**Phạm Quốc Phong**